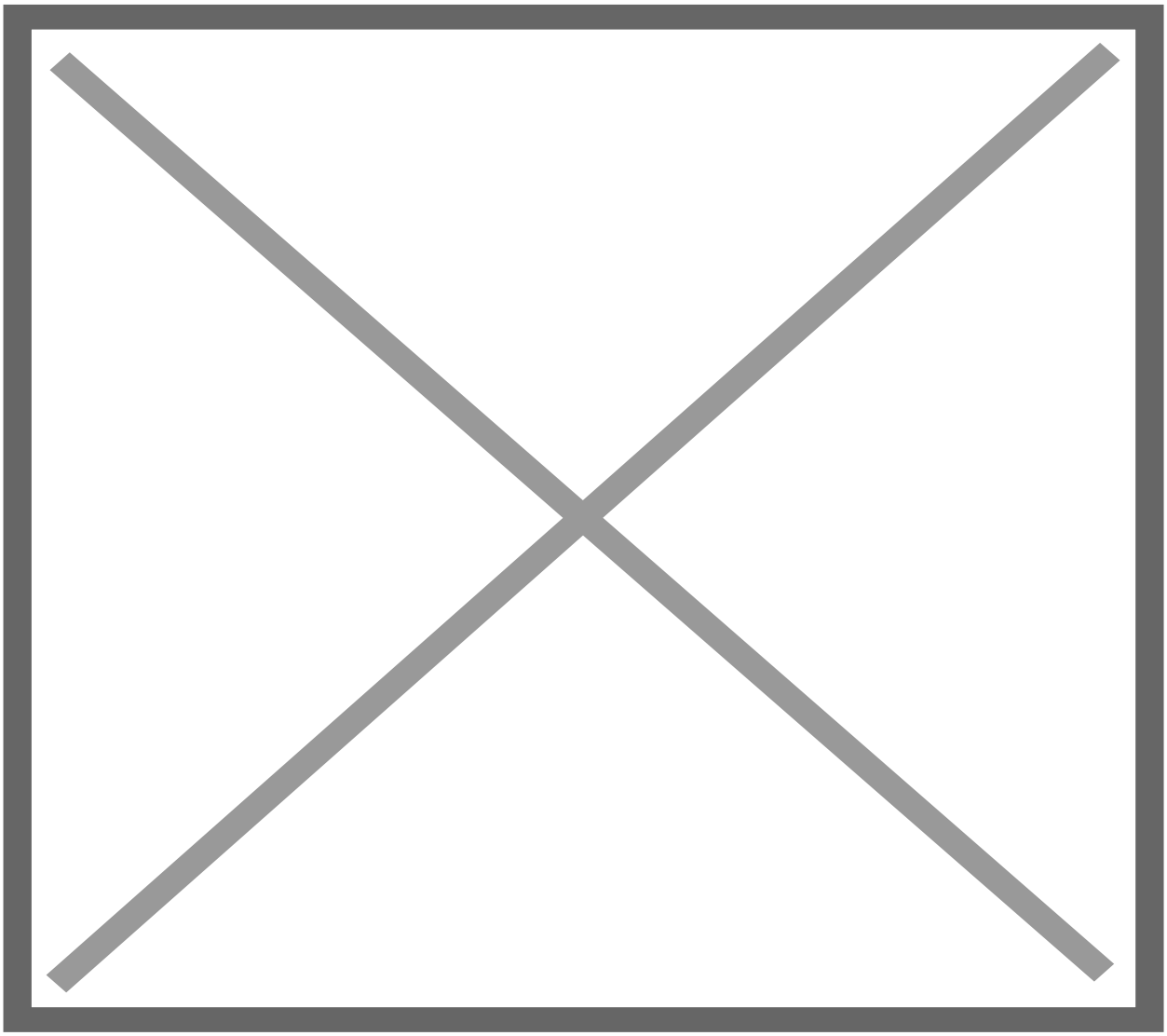
Phật giáo Trúc Lâm thời Trần: Tự viện và nghi lễ (Kỳ 1)

ISSN: 2734-9195 05:46 29/03/2021

I- TỰ VIỆN CỦA PHẬT GIÁO TRÚC LÂM THỜI TRẦN

Lịch sử Phật giáo Việt Nam thời kỳ Đại Việt ghi nhận Phật giáo thời Trần phát triển đến đỉnh cao. Thời Trần xuất hiện những trung tâm chùa, tháp lớn như: Trúc Lâm Yên Tử (Quảng Ninh). Chùa tháp Phổ Minh (thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định). Chùa Quỳnh Lâm (Đông Triều, Quảng Ninh). Chùa Vĩnh Nghiêm (còn gọi là chùa Đức La, xã Trí Yên, huyện Yên Dũng, Bắc Giang).

Trung tâm chùa, tháp Trúc Lâm, Yên Tử gắn liền với sự ra đời của Thiền phái Trúc Lâm. Đây là Thiền phái tổ hợp ba Thiền phái hiện diện đương thời (Tỳ Ni Đa Lưu Chi, Vô Ngôn Thông, Thảo Đường). Phật giáo Trúc Lâm thời Trần vì vậy được gọi là Phật giáo nhất tông. Phật giáo Trúc Lâm gắn liền với tên tuổi ba vị tổ (Trúc Lâm tam tổ). Tổ thứ nhất: Vua Trần Nhân Tông (1258 - 1308) xuất gia năm 1299. Ngài được gọi là Phật hoàng. Tổ thứ hai, Pháp Loa (1284 - 1334). Tổ thứ ba, Huyền Quang (1254 - 1334). Yên Tử là nơi phát tích của Thiền phái cũng là trị sở nên được gọi là Trúc Lâm - Yên Tử. Đại Việt sử ký toàn thư ghi: “Kỷ Hợi năm Hưng Long thứ 7 (1299)... Mùa Thu, tháng 7, xây am Ngự Dược trên núi Yên Tử. Tháng 8, Thượng hoàng (Trần Nhân Tông), từ phủ Thiên Trường lại xuất gia vào núi Yên Tử tu khổ hạnh”(1).



Yên Tử (nay thuộc thị xã Đông Triều, Quảng Ninh) được xem là non thiêng. Tương truyền Yên Kỳ Sinh tu luyện ở nơi đây nên đặt tên cho núi. Theo Đại Nam nhất thống chí: “Vua Nhân Tôn nhà Trần có dựng am Tứ Tiêu còn gọi là am Ngọa Vân, Viện Thạch Thất my ngữ... Từ ngọn núi đi thẳng đến chùa Giải Oan... Gần đấy có ba ngôi am. Am đá ở giữa rất cao rộng, là am để xá lợi vua Anh Tông. Hai am phía tả và phía hữu là chỗ ở của Pháp Loa và Huyền Quang. Lại có chùa Hoa Yên, hai bên tả hữu chùa này có viện Phù Đồ, gác chuông, lầu trống, nhà dưỡng tăng và nhà tiếp khách”(2). Cuốn: Trúc Lâm Yên Tử, Phật giáo tùng thư cho biết một số tự viện được xây dựng dưới thời Trần ở Yên Tử như: Chùa Trình (Bí Thượng) vì chùa tọa lạc ở làng Bí Thượng (phường Phương Đông, Thành phố Uống Bí, tỉnh Quảng Ninh ngày nay). Chùa Cẩm Thực (Cầm Thực), tọa lạc trên một đỉnh núi tròn ở về phía trái lộ trình vào Yên Tử. Chùa Long Động (chùa Lân). Đây là ngôi chùa có vị trí quan trọng trong hệ thống chùa tháp Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử. Là nơi giảng đạo, độ tăng. Trong dân gian có câu: Ngõ chùa Lân (to), sân chùa Muống (rộng), ruộng chùa Quỳnh (nhiều)(3).

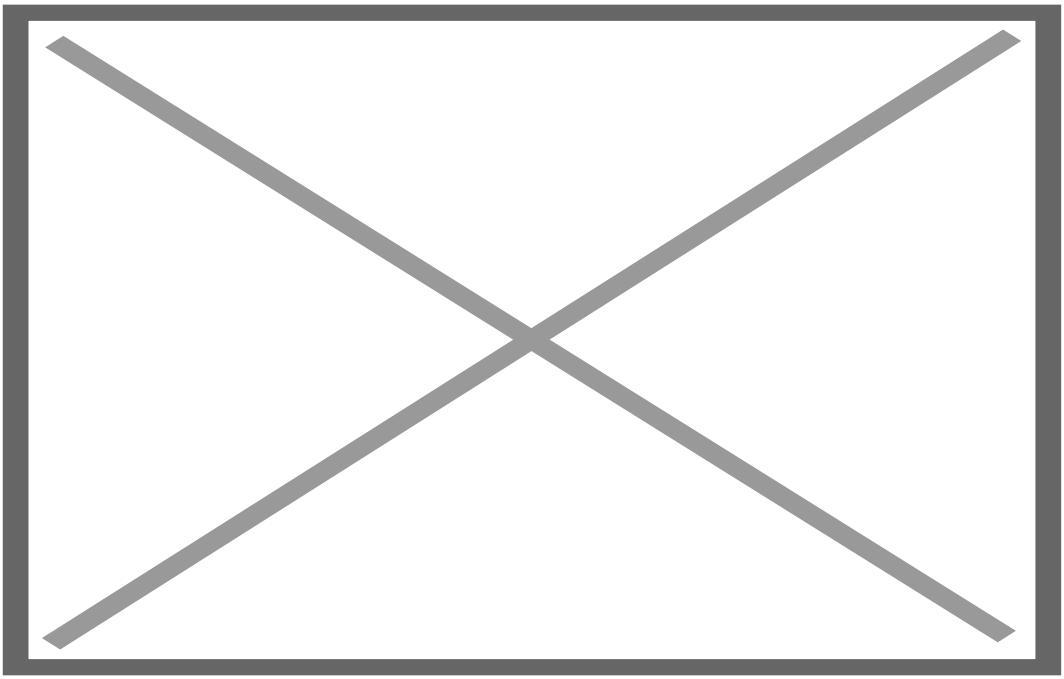
Chùa Quỳnh Lâm (Đông Triều, Quảng Ninh ngày nay) là một tự viện nổi tiếng thời Trần. Chùa được xây dựng triều Vua Lý Anh Tông (1116 - 1138). Người có công lớn trong việc tạo dựng là quốc sư Nguyễn Minh Không (1076 - 1141). Sư đúc tượng Di Lặc bằng đồng cao sáu trượng (20m) từng được coi là An Nam tứ đại khí (Tháp Báo Thiên, chuông Quy Điền, vạc Phổ Minh, tượng Phật Quỳnh Lâm). Chùa thực sự trở thành một trung tâm Phật giáo quan trọng của Phật giáo Trúc Lâm với sự hiện diện của Nhị tổ Trúc Lâm - Pháp Loa. Ông là người mở mang, tu bổ chùa Quỳnh Lâm. Riêng năm 1314 ông cho xây dựng 33 cơ sở điện thờ Phật, gác chứa kinh. Năm 1316, Pháp Loa thành lập Quỳnh Lâm Viện (được xem như Trường Đại học Phật giáo đầu tiên ở nước ta). Cùng với chùa Hoa Yên ở Yên Tử, chùa Báo Ân ở Siêu Loại (Bắc Ninh), chùa Thanh Mai (Hải Dương). Chùa Quỳnh Lâm là một trong những trung tâm của Phật giáo Trúc Lâm, trở thành Đệ nhất danh lam cổ tích nước Nam.

Chùa Vĩnh Nghiêm, nhân dân quen gọi là chùa Đức La vì chùa tọa lạc ở làng này (nay thuộc xã Trí Yên, huyện Yên Dũng, Bắc Giang). Chùa Vĩnh Nghiêm là một trong những trung tâm của Phật giáo Trúc Lâm. Ba vị tổ của Phật giáo Trúc Lâm (Trần Nhân Tông, Pháp Loa, Huyền Quang), trước khi đến Yên Tử đều đến chùa Vĩnh Nghiêm. Tương truyền, chùa có từ thời Lý Thái Tổ (1010 - 1028). Thời vua Trần Thánh Tông (1258 - 1278) có các vị cao tăng trụ trì và tu tạo chùa cảnh nguy nga, tráng lệ. Vua Trần Nhân Tông khi từ bỏ ngai vàng, xuất gia đã đến chùa Vĩnh Nghiêm, chùa Ngọa Vân (Yên Tử) thụ giới. Hai đại đệ tử của vua là Pháp Loa và Huyền Quang kế thế, tiếp tục xiển dương Phật giáo. Thời Trần, chùa Vĩnh Nghiêm niên hiệu Hưng Long thứ 12, vua Trần Nhân Tông đến chùa làm lễ kiết hạ, truyền đăng cho Pháp Loa. Năm 1313, Pháp Loa phụng chiếu đến chùa định chức tăng đồ trong toàn quốc và đặt dựng một trăm ngôi chùa lớn ở các nơi. Sau ba năm lại làm một lần như vậy. Tăng, ni có đến vài ngàn người. Vĩnh Nghiêm còn là nơi lưu giữ hồ sơ của tăng, ni (tăng tịch)(4).

Chùa, tháp Phổ Minh, chùa tọa lạc ở thôn Tức Mạc (Nam Định ngày nay). Chùa được xây dựng từ thời Lý và được mở mang với quy mô rộng lớn từ năm 1262. Bên cạnh chùa là tháp - Tháp Phổ Minh dựng năm 1035. Tháp cao khoảng 20m, gồm 14 tầng. Nền tháp và tầng thứ nhất xây bằng đá, những tầng còn lại xây dựng gạch. Mỗi tầng trổ 4 cửa vòm cuốn, giữa các tầng là gờ mái.

Dưới thời Trần, Phật giáo Nam Định trở thành một trong những trung tâm Phật giáo lớn ở Châu thổ sông Hồng. Sử cũ ghi: Năm Thiệu Long thứ 5 (1262), Thượng hoàng Trần Thái Tông về quê ban yến và thưởng cho già trẻ trong làng, thăng Tức Mạc làm phủ Thiên Trường, đổi Hành Cung Tức Mạc thành Cung Trùng Quang để làm nơi Thượng hoàng ngự. Chùa Phổ Minh ở bên Tây cung Trùng Quang - được xây dựng từ thời Lý, nổi danh với chiếc vạc đồng - một

trong “An Nam đại tứ khí” được xây cất trang hoàng để làm nơi Thượng hoàng sớm hôm cúng Phật(5). Tháng Giêng năm Hưng Long thứ 11 (1303) nhân dịp vua cha - Thượng hoàng Trần Nhân Tông, từ Chiêm Thành về Thiên Trường, nghỉ tại cung Trùng Quang, vua Anh Tông cho mở hội “Vô lượng Phật pháp”, tại chùa Phổ Minh, ban phát vàng bạc, tiền, lụa cho dân nghèo, phát kinh giới cho thiên hạ(6).



Trên đây là một số ngôi chùa nổi tiếng giữ vai trò quan trọng của Phật giáo Trúc Lâm thời Trần. Thời Trần còn có hàng trăm ngôi chùa ở các vùng miền, làng quê Bắc Bộ. “Việc xây dựng chùa chiền thời Trần, sau này cũng được Nguyễn Dữ nhắc đến trong Truyền kỳ mạn lục”. Các chùa như Hoàng Giang, Đồn Cổ, Yên Sinh, Yên Tử, Phổ Minh, Ngọc Thanh... dựng lên nhan nhản khắp nơi. Những người cắt tóc làm tăng, ni nhiều bằng nửa số dân thường. Nhất là ở huyện Đông Triều (tỉnh Quảng Ninh), sự sùng thượng lại càng quá lắm: “Chùa chiền dựng lên, làng lớn có đến hơn mười chùa, làng nhỏ cũng có chừng năm, sáu, ngoài bao bằng lũy, trong tô vàng son”(7). Riêng vùng đất Ninh Bình (ngày nay), thời Trần đã có hàng chục tự viện được xây dựng mới hay sửa chữa, tôn tạo, mở rộng. Phần lớn các chùa, tháp đều do các vua Trần (Thánh Tông, Nhân Tông, Anh Tông) và một vài công chùa nhà Trần hưng công xây dựng. Tại Hành cung Vũ Lâm (nay thuộc quần thể Danh thắng Tràng An, Ninh Bình) nơi vua Trần Nhân Tông xuất gia, vua cho xây dựng một số chùa chiền như chùa Sơ, chùa Tông ở thôn Văn Lâm, xã Ninh Hải; chùa Khả Lương, chùa Khai Phúc ở xã Ninh Thắng; chùa A Nậu thuộc Thành phố Ninh Bình hiện nay. Tại Ninh Bình, thế kỷ XIV, xuất hiện trung tâm Phật giáo Non Nước - Sơn Động - Tiên Long(8).

Vào thời Trần, có nhiều chùa ở ngoài hải đảo và cũng có chùa ở vùng núi cao. Đã xuất hiện một loại hình chùa hang, động như chùa Hang (xã Đông Tâm, Lục Yên, Yên Bái). Trong hang núi này, có cả một bài thơ thời Trần bằng đất nung(9). Nguyễn Lang trong Việt Nam Phật giáo sử luận, phỏng đoán con số chùa Phật giáo thời Trần như sau:

1) Chùa quốc tự: 15 chùa. 2) Chùa do vương hầu và người giàu có tạo dựng: 330 chùa.

3) Chùa do quần chúng tạo dựng: 9.000 chùa.

Như vậy, vào thời Trần có khoảng 9.500 ngôi chùa và 30.000 tăng sĩ, trung bình mỗi chùa có 3 vị tăng sĩ tu học và có những ngôi chùa nhỏ trong đó chỉ có một vị tăng sĩ trụ trì (tr. 372).

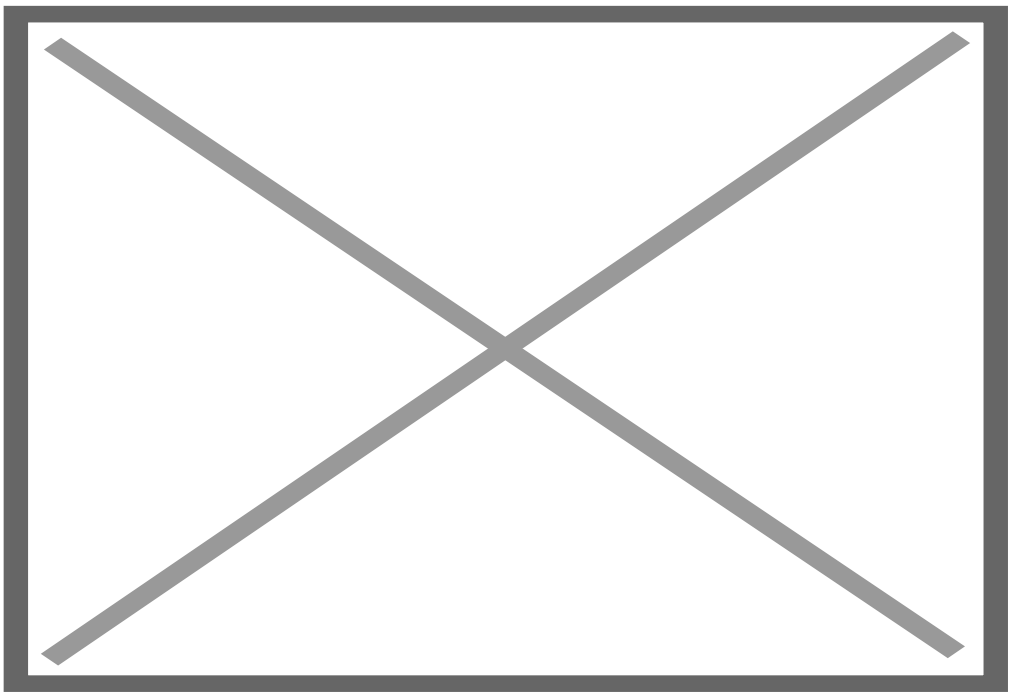
Về bình đồ tự viện Phật giáo Trúc Lâm thời Trần

Cuốn sách Chùa Việt Nam của các tác giả Hà Văn Tấn - Nguyễn Văn Kự - Phạm Ngọc Long (NXB Thế giới, 2013, các tr 27, 28, 29), cho biết nhiều tư liệu về kiến trúc, cấu trúc, bình đồ một số chùa thời Trần hiện còn tồn tại đến ngày nay. Đó là nóc nhà thượng điện Dâu (Thuận Thành, Bắc Ninh), nóc tòa thượng điện cùng những bức cuốn chùa Thái Lạc (chùa Mỹ Văn, tỉnh Hưng Yên) và nhà thượng điện khá nguyên vẹn chùa Bối Khê (Thanh Oai, Hà Nội).

Kết cấu các nhà thượng điện này khá giống nhau, có một gian hai chái với bốn cột cái khá lớn và hai cột quân, có hai bộ vì đỡ hai mái. Bộ vì đều làm theo kiểu giá chiêng, gồm một câu đầu khoe tỳ chịu lực lên đầu hai cột cái. Bên trên câu đầu là hai trụ giá chiêng, tức hai trụ trốn, thường được chạm khắc đẹp. Ở chùa Thái Lạc, các trụ trốn này được chạm thành hình các em bé quỳ gối nâng tòa sen. Hai trụ trốn này đội một rường hơi cong gọi là rường bụng lợn hay con cung. Lồng giữa hai trụ giá chiêng là tấm ván hình lá đề... Có người cho rằng những nhà thượng điện nói trên chính là nếp chùa thời Trần, có 4 mái, với bộ khung bằng gỗ mà các cột là thành phần chịu lực. Chưa thấy dấu vết tường chịu lực. Chùa thời Trần có mái lợp ngói mũi hài mà không, hoặc hiếm, lợp ngói ống. Xung quanh các chùa thời Trần, có thể có tường xây bao, trên lợp ngói ống hoặc trên lợp ngói mũi hài, giống như vòng tường hiện còn quanh tháp Huệ Quang ở Yên Tử.

Tuy nhiên, các ngôi chùa thời Trần có thể là một cụm kiến trúc phức tạp hơn.

Một ngôi chùa khác cho thấy mặt bằng của một ngôi chùa đó là chùa Lắm trên đảo Thừa Cống thuộc tỉnh Quảng Ninh, trong vịnh Bái Tử Long.



Chùa Lắm có hai mặt bằng kiến trúc, chênh nhau gần 4m về độ cao. Ở mặt bằng thứ nhất có tam quan và nhà tổ. Nền tam quan rộng 5m, dài 11m, quanh nền kè đá. Mặt nền còn đầy những mảnh ngói mũi hài nhỏ, dấu vết còn lại của kiến trúc bên trên. Nhà tổ dài 54m, ước có 15 gian, nền cũng được kè đá. Từ tam quan theo con đường đá dài 55m thì đến chân bậc cấp lên chùa. Bậc cấp lên chùa xếp bằng các viên đá ngang ngắn. Đi hết 34 bậc, ta đến sân chùa bắt đầu bước vào mặt bằng kiến trúc thứ hai: Sân chùa rộng, không lát gạch, nhưng bằng phẳng, sâu vào 15,8m. Hai bên sân chùa có hai ngọn tháp đã đổ, chỉ còn nền vuông, có móng kè đá, mỗi cạnh dài 3,6m. Trên nền ngọn tháp phía đông, còn có rất nhiều viên gạch trang trí rồng phượng và hoa lá. Cửa ngọn tháp này trông về hướng Nam với những bậc cấp còn khá nguyên vẹn. Ngay dưới chân tháp phía Đông Nam sân chùa có một nền hình vuông, mỗi cạnh 3,9m. Có thể đó là dấu vết nhà bia, vì ở sân chùa, còn thấy con rùa đá đội bia vỡ làm 8 mảnh. Không tìm thấy bia.

Qua sân là tới chùa Hộ, tức nhà tiền đường, dài 31m, rộng 8m. Nền chùa cao hơn sân 0,5m, cũng được kè đá xung quanh. Từ dưới sân bước lên hiên chùa, phải qua bậc tam cấp xếp đá rộng 1,2m, hai bên có hai tay vịn bằng đá chạm rồng nổi. Cả hai cột rồng này đều bị vỡ mất đầu. Chùa Hộ còn có hai cửa xép hai bên, lòng cửa rộng 2m. Lên cửa xép cũng qua tam cấp lát đá có tay vịn hai bên. Nhưng ở đây tay vịn chạm hình sóc dài đuôi. Cả bốn con sóc đều chung một phong cách thời Trần, đơn sơ, mập mạp. Trên nền chùa Hộ, chỉ còn có hai hòn đá tảng kê chân cột hình vuông, cạnh dài 0,5m. Nhờ những hòn đá tảng này, có thể biết mỗi gian chùa Hộ rộng khoảng 2,5m, và như vậy, nếp nhà này có cả thảy 9 gian.

Từ chùa Hộ, sang ngôi nhà giữa, mà những người khảo sát gọi là chùa Phật, phải qua một con đường rộng 4m, hai bên có lan can đá chạm nhưng nay đã bị đổ.

Chùa Phật chỉ mở một cửa hướng Nam, nằm trên trục thẳng với của chùa Hộ. Hai bên cửa cũng có hai tay vịn bằng đá chạm rồng. Nền chùa Phật cao hơn nền chùa Hộ mà cũng cao hơn nền ngôi nhà phía sau đó. Nền chùa Phật gần hình vuông, dài 12m, rộng 11,5m. Cả bốn mặt nền được kè đá thành hai cấp. Một đường hiên chạy quanh bốn mặt rộng 0,5m và thấp hơn 0,3n tạo thành cấp thứ nhất của nền chùa. Cấp thứ hai cũng được kè đá cẩn thận cả bốn mặt.

Trên nền chùa Phật còn có 11 hòn đá kê cột (lẽ ra là 16 hòn nhưng mất 1 hòn ở hàng giữa và 4 hòn ở hàng ngoài phía trước). Bốn hòn ở giữa lớn hơn cả. Hòn lớn nhất có cạnh dài 0,8m, các hòn khác nhỏ hơn chút ít.

Nếp nhà cuối cùng được những người khảo sát gọi là thượng điện, tựa lưng vào vách núi. Nền nhà dài 29,6m có hai cửa lên ở hai đầu. Mỗi cửa rộng 4m, có 4 bậc. Phía trước là hàng hiên dài suốt nền chùa, rộng tới 3m.

Cách phía Đông Bắc khu chùa vài chục mét, có một nền nhà bếp nhỏ với ba gian, xung quanh có kè đá. Cạnh đó là một bể nước ngọt hình chữ nhật 10m, dài 31m. Cả bốn mặt bể đều được kè đá vững chãi.

Tuy ngôi chùa không còn hiện diện, nhưng dấu tích còn lại cho thấy bình đồ như sau: Sau tam quan là một ngôi chùa với ba nếp nhà xây theo kiểu chùa chữ tam. Trong ba nếp nhà này thì nếp nhà giữa là nhà thượng điện hay nhà chính điện. Ngôi nhà này có nền gần hình vuông, với 4 cột cái và 12 cột quân, ở giữa có bệ đá hoa sen khiến liên tưởng tới nhà thượng điện chùa Bối Khê. Nền của ngôi nhà này cũng được đắp cao hơn nền hai nếp nhà kia như ở nhà thượng điện chùa Bối Khê. Vì vậy hoàn toàn có căn cứ để nghĩ rằng, nếu các kết cấu gỗ còn lại thì ta sẽ gặp ở đây một kiến trúc tương tự nhà thượng điện chùa Bối Khê hay chùa Dâu.

Như vậy chùa thời Trần không chỉ vẻn vẹn một nếp nhà vuông mà là một cụm kiến trúc gồm nhiều ngôi nhà. Trước và sau chính điện là kiến trúc trung tâm, có thể còn có tiền đường, hậu đường và những ngôi nhà khác. Ở chùa Lắm, ngôi chính điện có thể được lợp ngói lưu ly phủ men xanh, nói lên vị trí đặc biệt của nó so với những ngôi chùa khác chỉ được lợp ngói mũi hài. Ngoài bình đồ chữ tam, chùa thời Trần còn có bình đồ chữ công1. Từ thế kỷ XVI đã xuất hiện kiểu chùa “nội công, ngoại quốc” với các ngôi nhà có các tên gọi như ngày nay: tiền đường, thiêu hương, hậu đường cùng hành lang chạy dọc hai bên. Kiểu chùa này phát triển với quy mô lớn ở thế kỷ XVII.

Tượng và bài trí tượng trong các ngôi chùa Phật giáo thời Trần

Tư liệu của các tác giả cuốn Chùa Việt Nam cho biết: Các bậc thờ bằng đá chạm cánh sen trong các Phật điện thời Trần phần nào cho thấy quy mô Phật điện cũng như việc bài trí tượng thờ Phật giáo thời Trần. Bởi vì bệ thờ đặt ở Phật điện có thể là một thứ bàn thờ nhưng có khả năng các tượng Phật được bày lên đó. Thời Trần không còn những bệ đá nhỏ có tòa sen tròn đặt một tượng như Phật điện thời Lý.

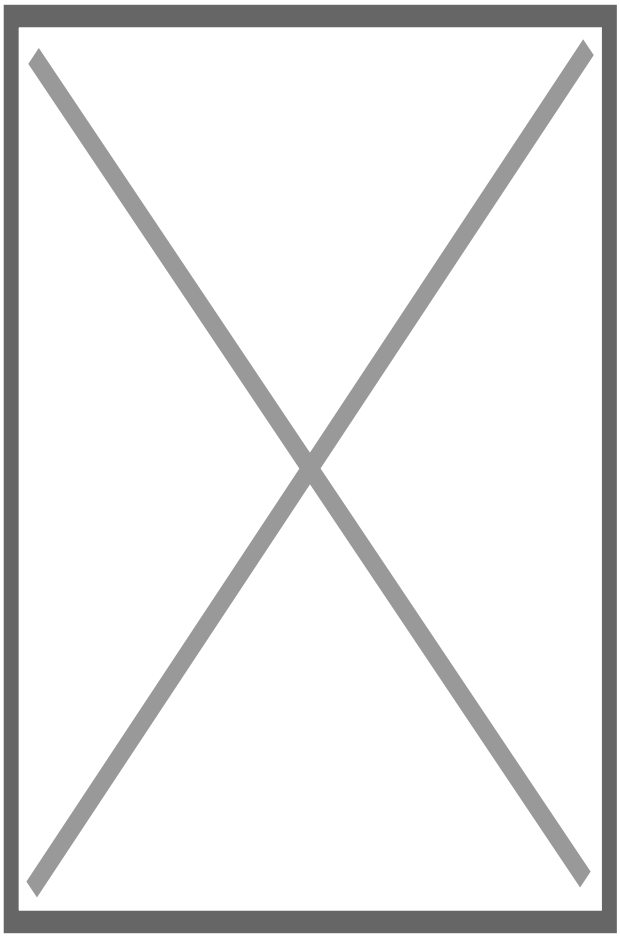
Hiện không đủ tài liệu để biết các loại tượng thờ trong các chùa thời Trần. Pháp Loa đã đúc hơn 1.300 pho tượng và làm lễ hội nghìn Phật ở chùa Quỳnh Lâm trong 7 trong 7 đêm, nhưng không rõ là loại tượng gì. Chỉ biết Pháp Loa đã đúc tượng Di Lặc. Tất nhiên theo đó phải là tượng A Di Đà và tượng Thích Ca, văn bia chùa Đại Bi núi Vân Lỗi do Phạm Sư Mạnh (thế kỷ XIV) soạn nhắc đến tượng Tam thế và việc đúc một pho tượng Đại Bi (tượng Quan Âm) bằng vàng. Văn bia tháp Viên Thông cũng như Tam tổ thực lục nói đến việc đúc tượng Thiên Thủ Đại Bi, tức tượng Quan Âm nghìn mắt, nghìn tay. Đây là lần đầu tiên tài liệu Phật giáo Việt Nam nhắc đến loại tượng này. Loại tượng này xuất hiện dưới ảnh hưởng của Mật giáo. Bởi Phật giáo thời Trần trong thời kỳ Pháp Loa đã phát triển các yếu tố Mật giáo.

Các chùa thời Trần cũng có tượng Kim Cương và Hộ Pháp. Trên các mô hình tháp đất nung phủ men chùa Chò và Bát Tràng (quận Long Biên - Hà Nội) ở 4 cửa tầng dưới, mỗi cửa đều có hai Kim Cương đứng gác. Văn bia chùa Thiện Long (1226) nói đến tượng "Thần Thiện chống kiếm cầm qua, đứng trước mặt Phật". Chùa Thiện Long có tượng Tiên Nữ (Apsara) và tượng Mỹ Âm (Madhenrasvara). Trong khi ở các chùa khác, tiên nữ và nhạc công chỉ có trên các phù điêu trang trí. Văn bia chùa Thiện Long cũng có câu "tôn giả mày to, tóc bạc, được vẽ lên vách như người sống".

Chùa thời Trần còn có tượng Trúc Lâm đệ nhất (tức Trần Nhân Tông) do vua Trần Anh Tông đúc hai tượng bằng vàng, một để ở chùa Báo Ân và một để ở chùa Vân Yên. Tháp Huệ Quang trên núi Yên Tử (Quảng Ninh) hiện nay còn pho tượng Trần Nhân Tông bằng đá. Về niên đại vẫn còn tranh luận thời thời Trần hay thời Lê. Một số chùa thời Trần còn có tượng các nhà sư, hay tượng các thí chủ có công xây dựng chùa, chẳng hạn như ở chùa Dâu, xã Đinh Xá (tỉnh Hà Nam) trên tấm bia niên hiệu Đại Trị (1358 - 1369).

Sau khi trưng dẫn một loạt tư liệu về tượng trong chùa thời Trần, Hà Văn Tấn cho rằng: "Có lẽ thời Trần cũng như thời Lý chưa có một cách xếp đặt thống

nhất các tượng thờ trong chùa. Tuy nhiên có thể nghĩ rằng, bàn thờ Phật thời Trần đã có một số tượng đông đúc hơn và đa dạng hơn thời Lý”(10).



Về quản lý tự viện

Phật giáo Trúc Lâm thời Trần do là Phật giáo nhất tông với việc hình thành hệ thống tăng già khá quy củ đã là điều kiện thuận lợi cho việc quản lý tự viện. Nếu như ở các chùa làng do mỗi chùa một sư (nhất tăng, nhất tự) thì ở các trung tâm Phật giáo như Vĩnh Nghiêm, Bổ Đà, Non Nước, đặc biệt là trung tâm Phật giáo Quỳnh Lâm đã hình thành nên một tổ chức gồm một số chức vị đảm nhận những công việc khác nhau mà tự viện đặt ra.

Nguyễn Lang trong Việt Nam Phật giáo sử luận (tr 323) cho biết: Chức vị cao nhất của tự viện là Viện chủ, có khi gọi là giám viện hay trụ trì. Vị giảng sư quan trọng nhất trong các vị giáo thụ được gọi là giảng chủ. Lo việc điều hành tổ chức là vị trị sự. Vị trị sư viên phụ trách sắp đặt công việc về ruộng vườn. Vị tri tạng chịu trách nhiệm về thư viện, kinh sách. Vị thủ khố chịu trách nhiệm về các kho chứa sản vật và tài vật của tự viên. Vị thư ký hay thư trạng chịu trách nhiệm về các văn kiện, thư tín và sứ điệp. Vị tri liệu chịu trách nhiệm về phân phối và quản trị phòng ốc. Vị tri chúng rất quan trọng, có khi gọi là thủ chúng,

chịu trách nhiệm điều hợp tăng chúng về các vấn đề liên hệ đến tập thể đại chúng. Vị duy na hướng dân các buổi lễ, điều khiển các nghi thức tụng niệm. Vị duyệt chúng phụ tá vị duy na. Tăng chúng luân phiên nhau làm những công việc hàng ngày được gọi là các trị nhật. Những vị tuổi nhỏ mới gia nhập được giao cho trách vị thị giả để giúp đỡ các vị lớn tuổi trong việc trà nước, dọn dẹp. Tự viện PGTLTT về cơ bản áp dụng thanh quy của Bách Trượng Hoài Hải đã được áp dụng từ thời Lý.

Hà Nội, tháng Chín, Canh Tý

PGS.TS. Nguyễn Hồng Dương - Viện Nghiên cứu Tôn giáo - Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam **Tạp chí Nghiên cứu Phật học số tháng 3/2021** ***Còn nữa...***

CHÚ THÍCH: (1) Đại Việt sử ký toàn thư, trọn bộ, NXB Thời đại, Hà Nội, 2013, tr 329. (2) TT.TS. Thích Thanh Quyết, PGS.TS. Trịnh Khắc Mạnh (Đồng chủ biên), Trúc Lâm Yên Tử, Phật giáo tùng thư, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 2018, tr 79 - 83. (3) Báo cáo tổng hợp Đề tài: Giá trị di sản mộc bản chùa Vĩnh Nghiêm và chùa Bổ Đà tỉnh Bắc Giang, Mã số ĐTĐL. G01/2014 chủ nhiệm Đề tài: TS. Nguyễn Thị Quế Hương, Hà Nội, 2017, Bản vi tính, tr 48 - 49. (4) Báo cáo tổng hợp Đề tài: Giá trị di sản mộc bản chùa Vĩnh Nghiêm và chùa Bổ Đà tỉnh Bắc Giang, Sđd, tr 48 - 49. (5) Đại Việt sử ký toàn thư, trọn bộ, Sđd, tr 288 - 289. (6) Đại Việt sử ký toàn thư, trọn bộ, Sđd, tr 337. (7) Hà Văn Tấn - Nguyễn Văn Kự - Phạm Ngọc Long, Chùa Việt Nam, NXB Thế giới, Hà Nội, 2013, tr 26. (8) Nguyễn Đại Đồng, Nguyễn Hồng Dương, Nguyễn Phú Lợi (Đồng chủ biên), Lịch sử Phật giáo Ninh Bình, NXB Tôn giáo, Hà Nội, 2017, tr 106 - 119. (9) Hà Văn Tấn - Nguyễn Văn Kự - Phạm Ngọc Long, Chùa Việt Nam, Sđd, tr 29. (10) Hà Văn Tấn - Nguyễn Văn Kự - Phạm Ngọc Long, Chùa Việt Nam, Sđd, tr 28 - 31. TÀI LIỆU THAM KHẢO: 1. Đại Việt sử ký toàn thư (trọn bộ) 2013, Hà Nội, NXB Thời Đại. 2. Nguyễn Đại Đồng, Nguyễn Hồng Dương, Nguyễn Phú Lợi (Đồng chủ biên), 2017, Lịch sử Phật giáo Ninh Bình, Hà Nội, NXB Tôn giáo. 3. Nguyễn Lang, 2012, Việt Nam Phật giáo sử luận, Hà Nội, NXB Phương Đông. 4. TT.TS. Thích Thanh Quyết, PGS.TS. Trịnh Khắc Mạnh (Đồng chủ biên), 2018, Trúc Lâm Yên Tử, Phật giáo tùng thư, Hà Nội, NXB Khoa học xã hội. 5. Hà Văn Tấn - Nguyễn Văn Kự - Phạm Ngọc Long, 2013, Chùa Việt Nam, Hà Nội, NXB Thế giới.